

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2026 của Bệnh viện đa khoa Đại Từ

---

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính: Số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 2654/QĐ-SYT ngày 29/12/2025 về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính – Kế toán.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2026 của Bệnh viện đa khoa Đại Từ (theo biểu đính kèm)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trưởng phòng Tổ chức hành chính, Phòng Tài chính Kế toán và các khoa, phòng liên quan thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Lưu : VT, TCKT.

**GIÁM ĐỐC**

**Đặng Thị Vân**

Đơn vị: **Bệnh viện đa khoa Đại Từ**  
Chương: 423

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**

(Kèm theo Quyết định số 73/QĐ-BVĐT ngày 05/02/2026

của Giám đốc Bệnh viện đa khoa Đại Từ)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: Triệu đồng

| STT        | Nội dung                                           | Dự toán được giao |
|------------|----------------------------------------------------|-------------------|
| 1          | 2                                                  | 3                 |
| <b>A</b>   | <b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b> |                   |
| <b>I</b>   | <b>Số thu phí, lệ phí</b>                          |                   |
| 1          | Lệ phí                                             |                   |
|            | Lệ phí...                                          |                   |
|            | Lệ phí...                                          |                   |
| 2          | Phí                                                |                   |
|            | Phí ...                                            |                   |
|            | Phí ...                                            |                   |
| <b>II</b>  | <b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>            |                   |
| <b>1</b>   | <b>Chi sự nghiệp.....</b>                          |                   |
| a          | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                     |                   |
| b          | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên               |                   |
| <b>2</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                      |                   |
| a          | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                   |                   |
| b          | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ             |                   |
| <b>III</b> | <b>Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước</b>       |                   |
| <b>1</b>   | <b>Lệ phí</b>                                      |                   |
|            | Lệ phí...                                          |                   |
|            | Lệ phí...                                          |                   |
| 2          | Phí                                                |                   |
|            | Phí ...                                            |                   |
|            | Phí ...                                            |                   |
| <b>B</b>   | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>              | <b>4.945</b>      |
| <b>I</b>   | <b>Nguồn ngân sách trong nước</b>                  | <b>4.945</b>      |
| <b>1</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                      |                   |
| 1.1        | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ                   |                   |
| 1.2        | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ             |                   |
| <b>2</b>   | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>         |                   |
| 2.1        | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ     |                   |
|            | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia         |                   |
|            | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ               |                   |
|            | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở            |                   |
| 2.2        | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng      |                   |

|           |                                                                                                                                                        |              |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
| 2.3       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                                                                                                                   |              |
| <b>3</b>  | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>                                                                                                     |              |
| 3.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                                                                                                                         |              |
| 3.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                                                                                                                   |              |
| <b>4</b>  | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>                                                                                                          | <b>4.945</b> |
| 4.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                                                                                                                         |              |
| 4.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                                                                                                                   | 4.945        |
| -         | <i>Kinh phí thực hiện mua sắm thiết bị đảm bảo hạ tầng công nghệ thông tin để duy trì, vận hành hồ sơ bệnh án điện tử tại Bệnh viện đa khoa Đại Từ</i> | 945          |
| -         | <i>Kinh phí sửa chữa, bảo dưỡng Nhà khoa Ngoại – Bệnh viện đa khoa Đại Từ</i>                                                                          | 4.000        |
| <b>5</b>  | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                                                                                                                              |              |
| 5.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                                                                                                                         |              |
| 5.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                                                                                                                   |              |
| <b>6</b>  | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                                                                                                                           |              |
| 6.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                                                                                                                         |              |
| 6.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                                                                                                                   |              |
| <b>7</b>  | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                                                                                                                 |              |
| 7.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                                                                                                                         |              |
| 7.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                                                                                                                   |              |
| <b>8</b>  | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>                                                                                                                 |              |
| 8.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                                                                                                                         |              |
| 8.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                                                                                                                   |              |
| <b>9</b>  | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>                                                                                                |              |
| 9.1       | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                                                                                                                         |              |
| 9.2       | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                                                                                                                   |              |
| <b>10</b> | <b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>                                                                                                                  |              |
| 10.1      | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                                                                                                                         |              |
| 10.2      | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên                                                                                                                   |              |
| <b>II</b> | <b>Nguồn vốn viện trợ</b>                                                                                                                              |              |
| <b>1</b>  | <b>Chi quản lý hành chính</b>                                                                                                                          |              |
| 1.1       | Dự án A                                                                                                                                                |              |
| 1.2       | Dự án B                                                                                                                                                |              |
| <b>2</b>  | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>                                                                                                             |              |
| 2.1       | Dự án A                                                                                                                                                |              |
| 2.2       | Dự án B                                                                                                                                                |              |
| <b>3</b>  | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>                                                                                                     |              |
| 3.1       | Dự án A                                                                                                                                                |              |
| 3.2       | Dự án B                                                                                                                                                |              |
| <b>4</b>  | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>                                                                                                          |              |
| 4.1       | Dự án A                                                                                                                                                |              |
| 4.2       | Dự án B                                                                                                                                                |              |

|            |                                                         |  |
|------------|---------------------------------------------------------|--|
| <b>5</b>   | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                               |  |
| 5.1        | Dự án A                                                 |  |
| 2.2        | Dự án B                                                 |  |
| <b>6</b>   | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                            |  |
| 6.1        | Dự án A                                                 |  |
| 6.2        | Dự án B                                                 |  |
| <b>7</b>   | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                  |  |
| 7.1        | Dự án A                                                 |  |
| 7.2        | Dự án B                                                 |  |
| <b>8</b>   | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>                  |  |
| 8.1        | Dự án A                                                 |  |
| 8.2        | Dự án B                                                 |  |
| <b>9</b>   | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b> |  |
| 9.1        | Dự án A                                                 |  |
| 9.2        | Dự án B                                                 |  |
| <b>10</b>  | <b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>                   |  |
| 10.1       | Dự án A                                                 |  |
| 10.2       | Dự án B                                                 |  |
| <b>III</b> | <b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>                          |  |
| <b>1</b>   | <b>Chi quản lý hành chính</b>                           |  |
| 1.1        | Dự án A                                                 |  |
| 1.2        | Dự án B                                                 |  |
| <b>2</b>   | <b>Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>              |  |
| 2.1        | Dự án A                                                 |  |
| 2.2        | Dự án B                                                 |  |
| <b>3</b>   | <b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>      |  |
| 3.1        | Dự án A                                                 |  |
| 3.2        | Dự án B                                                 |  |
| <b>4</b>   | <b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>           |  |
| 4.1        | Dự án A                                                 |  |
| 4.2        | Dự án B                                                 |  |
| <b>5</b>   | <b>Chi bảo đảm xã hội</b>                               |  |
| 5.1        | Dự án A                                                 |  |
| 2.2        | Dự án B                                                 |  |
| <b>6</b>   | <b>Chi hoạt động kinh tế</b>                            |  |
| 6.1        | Dự án A                                                 |  |
| 6.2        | Dự án B                                                 |  |
| <b>7</b>   | <b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>                  |  |
| 7.1        | Dự án A                                                 |  |
| 7.2        | Dự án B                                                 |  |
| <b>8</b>   | <b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>                  |  |
| 8.1        | Dự án A                                                 |  |

|           |                                                         |  |
|-----------|---------------------------------------------------------|--|
| 8.2       | Dự án B                                                 |  |
| <b>9</b>  | <b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b> |  |
| 9.1       | Dự án A                                                 |  |
| 9.2       | Dự án B                                                 |  |
| <b>10</b> | <b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>                   |  |
| 10.1      | Dự án A                                                 |  |
| 10.2      | Dự án B                                                 |  |